

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 36/2019/HNGĐ - ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2019
“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Hoàng Thành Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bà Vũ Thị N trình bày:

Bà và ông Trần Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 08 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, bà và ông H đều đã kết hôn với người khác và đều có con riêng rồi ly hôn. Sau ngày cưới, bà về nhà riêng của ông H sinh sống. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2018 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày ông H không quan tâm chăm sóc gì đến mẹ con bà, lúc bà ốm đau bệnh tật ông H bỏ mặc không hỏi

han chia sẻ. Tại phiên tòa bà N xác định, bà và ông H chính thức sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Ông Trần Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và biên bản hòa giải, ông H trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và thời gian chung sống như lời trình bày trên của bà N là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng ông H xác định, giữa ông và bà N thực tế không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng mà chủ yếu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong ý ăn ý ở hàng ngày. Sau khi bà N sinh con, bà N xin phép ông cho mẹ con bà N về nhà ông bà ngoại ở để cho ông bà ngoại tiện chăm sóc cháu nên ông đồng ý cho mẹ con bà N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, thỉnh thoảng lúc rảnh ông vẫn đến thăm nom, ngày nghỉ cuối tuần hai mẹ con bà N về thăm nhà nên ông khẳng định ông và bà N không sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và vẫn có thể hàn gắn lại được với nhau nên bà N xin ly hôn, ông không đồng ý. Ông đề nghị Tòa án cho ông bà được về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Bà N và ông H đều xác định, vợ chồng có 01 con chung là Trần Thu Hà, sinh ngày 10/02/2018. Hiện tại cháu Hà đang ở với bà N. Ly hôn, bà N và ông H đều có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Bà N và ông H đều xác định, bà N có 01 con riêng là Nguyễn Việt A, sinh năm 2012, hiện tại cháu A đang ở với chồng cũ của bà N còn ông H có 01 con riêng là Trần Sơn T, sinh năm 2003, hiện tại cháu T đang ở với ông H. Ly hôn bà N và ông H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết con riêng của hai ông bà.

Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay, công sức đóng góp: Bà N và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị N, cho bà N được ly hôn với ông Trần Văn H. Giao cho bà N được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Thu Hà, sinh ngày 10/02/2018. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ và công sức: Bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Vũ Thị N là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là ông Trần Văn H. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N và ông H đều thừa nhận ông bà có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08 tháng 01 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà N xác định, tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Ông H không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ. Căn cứ vào lời trình bày của bà N và ông H và người làm chứng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã T, Trung tâm văn hóa huyện Yên Lạc. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Vũ Thị N và ông Trần Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trước khi kết hôn, bà N và ông H đều đã kết hôn với người khác và đã ly hôn nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, bà N và ông H đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Bà N xác định nguyên nhân chủ yếu dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do, trong cuộc sống hàng ngày ông

H không quan tâm chia sẻ với bà, còn ông H cho rằng những mâu thuẫn mà bà N trình bày ở trên chỉ là mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức độ trầm trọng phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng. Cuộc sống vợ chồng của bà N và ông H sống không hiểu nhau, thiếu sự chia sẻ dẫn đến không hạnh phúc, cả ông H và bà N đều không tìm được tiếng nói chung, hàng ngày ông H ít quan tâm chăm sóc đến mẹ con bà N. Bà N xác nhận, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân còn ông H thì không thừa nhận việc vợ chồng đang sống ly thân. Tuy nhiên tại bản tự khai và biên bản hòa giải, ông H thừa nhận hiện bà N đang sống ở nhà bố mẹ đẻ, điều này thể hiện việc thực tế hiện tại ông H và bà N đang không sống cùng nhau trong một mái nhà nên bà N xác định vợ chồng đang sống ly thân với nhau là có căn cứ. Khi tình cảm vợ chồng có dấu hiệu dần nứt, ông H vẫn không thay đổi cách sống với bà N, vẫn thiếu sự quan tâm chia sẻ và tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm. Lúc bà N có đơn xin ly hôn, ông H xin đoàn tụ nhưng ông H lại không có động thái gì để gắn kết lại tình cảm, ngày mở phiên tòa ông H không tham gia để Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải, ông H và bà N vẫn sống mỗi người một nơi. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho bà N được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Bà N và ông H thừa nhận, vợ chồng có 01 con chung là Trần Thu Hà, sinh ngày 10/02/2018. Hiện tại cháu Hà đang ở với bà N. Ly hôn, bà N và ông H đều có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Hiện tại cháu Hà chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi sẽ giao cho người mẹ, hơn nữa để đảm bảo tâm lý, tránh làm sáo trộn cuộc sống của cháu Hà. Hội đồng xét xử cần giao cháu Hà cho bà N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp. Do bà N không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của ông H.

Về con riêng: Do bà N và ông H không ai đề nghị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ và công sức: Bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà N phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị N được ly hôn với ông Trần Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thu Hà, sinh ngày 10/02/2018 cho bà N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung của ông H.

3/ Về án phí: Bà Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005704 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

